



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 9

Số 73 (01/9/2010)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |           |  |   |
|-----------|--|---|
| 14-8-2010 | Quyết định số 54/2010/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội.   | 3 |
| 16-8-2010 | Quyết định số 55/2010/QĐ-UBND về việc bãi bỏ các thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực lao động - tiền lương - tiền công, việc làm, bảo hiểm y tế, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bảo trợ xã hội. | 5 |
| 17-8-2010 | Quyết định số 56/2010/QĐ-UBND về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực.  | 8 |
| 17-8-2010 | Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND về bãi bỏ văn bản.   | 9 |

- 21-8-2010 - Quyết định số 3680/QĐ-UBND về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc môn, thành phố Hồ Chí Minh. 11

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

- 17-8-2010 - Chỉ thị số 02/2010/CT-UBND về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách quận 3 năm 2011. 27
- 19-8-2010 - Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3. 38

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH****Về việc bãi bỏ các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh  
quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân  
phường - xã - thị trấn trong lĩnh vực Bảo trợ xã hội****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1176/TTr-SNN-VP ngày 06 tháng 8 năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ các văn bản quy định thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn, được công bố tại Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Thủ tục “Phương án hỗ trợ lãi vay trong nuôi tôm (cho dân thuộc diện xóa đói giảm nghèo)”, mã số hồ sơ: 101412;
2. Thủ tục “Phương án hỗ trợ lãi vay trong lĩnh vực sản xuất (chăn nuôi, trồng trọt)”, mã số hồ sơ: 101417;
3. Thủ tục “Xác nhận phương án vay vốn sản xuất”, mã số hồ sơ: 101562.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, xã - phường - thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bãi bỏ các thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực lao động - tiền lương - tiền công, việc làm, bảo hiểm y tế, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bảo trợ xã hội**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007 - 2010;

Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-UBND-ĐA30 ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 7055/TTr-LĐTĐBXH-VP ngày 26 tháng 7 năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bãi bỏ thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn.

**1. Bãi bỏ 13 thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân quận - huyện**

**được công bố tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. Cụ thể như sau:**

1.1. Thủ tục Đăng ký báo cáo giảm lao động trong lĩnh vực nhà hàng - cửa hàng ăn uống - vũ trường - karaoke - khách sạn - nhà trọ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, số thứ tự 07 mục XVIII Phần II thuộc lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công, mã số hồ sơ: 094818.

1.2. Thủ tục Đăng ký khai trình tình hình sử dụng lao động trong lĩnh vực nhà hàng - cửa hàng ăn uống - vũ trường - karaoke - khách sạn - nhà trọ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, số thứ tự 08 mục XVIII Phần II thuộc lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công, mã số hồ sơ: 094819.

1.3. Thủ tục Đăng ký giảm lao động trong lĩnh vực nhà hàng - cửa hàng ăn uống - vũ trường - karaoke - khách sạn - nhà trọ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, số thứ tự 09 mục XVIII Phần II thuộc lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công, mã số hồ sơ: 094820.

1.4. Thủ tục Đăng ký tăng lao động, số thứ tự 10 mục XVIII Phần II thuộc lĩnh vực lao động, tiền lương, tiền công, mã số hồ sơ: 094821.

1.5. Thủ tục Cấp thẻ Bảo hiểm y tế cho diện xóa đói giảm nghèo, số thứ tự 07 mục XIX Phần II thuộc lĩnh vực bảo hiểm y tế, mã số hồ sơ: 092326.

1.6. Thủ tục Xét công nhận xã, phường phù hợp với trẻ em, số thứ tự 03 mục XXI Phần II thuộc lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc trẻ em, mã số hồ sơ: 092147.

1.7. Thủ tục Điều tra, lập danh sách hộ đưa vào diện xóa đói giảm nghèo, số thứ tự 02 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097415.

1.8. Thủ tục Xét cho vay vốn của dự án vay Quỹ xóa đói giảm nghèo tạo việc làm cho lao động nghèo (đối với dự án có mức vốn trên 200 triệu đồng đến 500 triệu đồng), số thứ tự 05 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097488.

1.9. Thủ tục Xét cho vay vốn của dự án vay Quỹ xóa đói giảm nghèo tạo việc làm cho lao động nghèo (đối với dự án có mức vốn trên 500 triệu đồng), số thứ tự 06 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097490.

1.10. Thủ tục Đề nghị xóa hoặc khoan nợ cho các trường hợp hộ vay vốn xóa đói giảm nghèo mất khả năng thanh toán, số thứ tự 07 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097491.

1.11. Thủ tục Phê duyệt dự án vay vốn Quỹ xóa đói giảm nghèo của Tổ vượt nghèo, số thứ tự 08 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097492.

1.12. Thủ tục Đề nghị phân bổ vốn cho vay các dự án vay vốn của Tổ vượt nghèo, số thứ tự 09 mục XXIII Phần II thuộc lĩnh vực việc làm, mã số hồ sơ: 097492.

1.13. Thủ tục Xây dựng nhà tình thương từ quỹ vì người nghèo, số thứ tự 21 mục XXIV Phần II thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, mã số hồ sơ: 092565.

**2. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính áp dụng tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn được công bố tại Quyết định số 3451/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố. Cụ thể như sau:**

2.1. Thủ tục Xác nhận hộ nghèo, số thứ tự 09 mục XXI Phần II thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, mã số hồ sơ: 101371.

2.2. Thủ tục Xác nhận đơn xin xe lăn, số thứ tự 11 mục XXI Phần II thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, mã số hồ sơ: 101385.

2.3. Thủ tục Xác nhận đơn xin mổ mắt miễn phí, số thứ tự 12 mục XXI Phần II thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, mã số hồ sơ: 101398.

2.4. Thủ tục Xác nhận đơn vay vốn C.E.P, số thứ tự 13 mục XXI Phần II thuộc lĩnh vực bảo trợ xã hội, mã số hồ sơ: 101394.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về công bố văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2055/STP-KTrVB ngày 24 tháng 6 năm 2010 về rà soát, cập nhật hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật quý I năm 2010,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay công bố Chỉ thị số 08/2008/CT-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng năm 2008 - 2009, hết hiệu lực thi hành.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2010/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2010

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về bãi bỏ văn bản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 2055/STP-KTrVB ngày 24 tháng 6 năm 2010 về rà soát, cập nhật hiệu lực văn bản quy phạm pháp luật quý I năm 2010,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay bãi bỏ 08 văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành do không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Minh Trí**

**DANH MỤC VĂN BẢN BỊ BÃI BỎ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 57/2010/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

---

1. Chỉ thị số 26/CT-UB-KT ngày 08 tháng 6 năm 1995 về tăng cường công tác quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi và thu tiền thủy lợi phí;
2. Chỉ thị số 33/CT-UB-NCVX ngày 14 tháng 10 năm 1996 về việc quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
3. Công văn số 4636/UB-NC ngày 25 tháng 12 năm 2002 về việc tăng cường công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ trên địa bàn thành phố;
4. Quyết định số 51/2004/QĐ-UB ngày 08 tháng 3 năm 2004 về thành lập Trung tâm dịch vụ thẩm định giá và bán đấu giá tài sản trực thuộc Sở Tài chính;
5. Quyết định số 93/2004/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2004 về ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Trung tâm Y tế quận - huyện trực thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;
6. Quyết định số 227/2004/QĐ-UB ngày 05 tháng 10 năm 2004 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo Quản lý và Phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;
7. Chỉ thị số 30/2005/CT-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 về triển khai thực hiện Pháp lệnh số 19/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11 về Dân quân tự vệ;
8. Chỉ thị số 29/2006/CT-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2006 về tăng cường các biện pháp cấp bách, phòng, chống rầy nâu, bệnh vàng lùn xoắn lá hại lúa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3680/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng  
huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010;

Căn cứ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2009;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1578/TTr-SQHKT ngày 16 tháng 6 năm 2010 gửi đến ngày 21 tháng 7 năm 2010 về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn, kèm hồ sơ phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập và Công văn số 1109/UBND ngày 03 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn về bổ sung Khu trung tâm hành chính huyện trong đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng huyện Hóc Môn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 với các nội dung chính như sau:

**1. Vị trí và quy mô nghiên cứu:**

1.1. Vị trí: Huyện Hóc Môn nằm về phía Bắc thành phố Hồ Chí Minh, các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông Bắc giáp Lái Thiêu - tỉnh Bình Dương.
- Phía Đông - Đông Nam giáp quận 12.
- Phía Tây giáp huyện Đức Hòa - tỉnh Long An.
- Phía Nam giáp huyện Bình Chánh.
- Phía Bắc giáp huyện Củ Chi.

**1.2. Quy mô nghiên cứu:**

- Quy mô diện tích đất quy hoạch điều chỉnh là: 10.943,4ha (so với diện tích đất quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 6992/QĐ-UB-QLĐT ngày 24 tháng 12 năm 1998 là 10.952ha, giảm 8,6ha).

- Dân số hiện trạng năm 2007 là: 276.866 người.
- Dân số dự kiến:
  - + Đến năm 2010 : 320.000 người
  - + Đến năm 2015 : 400.000 người
  - + Đến năm 2020 : 650.000 người.

**2. Tính chất và chức năng quy hoạch:**

- Cơ cấu kinh tế của huyện trong tương lai là công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - thương mại, dịch vụ và du lịch - nông nghiệp.

- Tính chất, chức năng:

+ Khu dân cư đô thị hóa và khu dân cư nông thôn góp phần thực hiện giãn dân của khu vực nội thành cũ và phân bố lại dân cư trên địa bàn thành phố.

+ Khu, cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

+ Trung tâm công cộng cấp thành phố khu vực phía Tây Bắc (dịch vụ, thương mại, văn hóa, giáo dục đào tạo, thể dục thể thao, công viên văn hóa, vui chơi giải trí, nghỉ ngơi kết hợp du lịch sinh thái).

+ Cửa ngõ quốc tế đầu mối giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

**3. Định hướng phát triển không gian:**

### 3.1. Phân bố dân cư:

- Dân cư đô thị: dự kiến khoảng 550.000 người chiếm 84,6% tổng số dân, gồm 6 khu như sau:

+ Khu số 1: Khu dân cư đô thị Tây Bắc, Tân Thới Nhì, Xuân Thới Sơn và xã Xuân Thới Thượng, diện tích 1.306ha:

- Dân số hiện trạng năm 2007 là: 12.294 người.
- Dân số dự kiến năm 2020 là: 90.000 người.
- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 30 - 40%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 30 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng cấp huyện như: trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, bệnh viện, khu văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ.

+ Khu số 2: Khu đô thị Tân Thới Nhì, Xuân Thới Sơn và xã Tân Hiệp, diện tích 1.093ha (trong đó có Khu đô thị 741,83ha thuộc xã Tân Thới Nhì và xã Tân Hiệp):

- Dân số hiện trạng năm 2007 là: 14.855 người.
- Dân số dự kiến năm 2020 là: 110.000 người.
- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 30 - 40%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 35 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng như: trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, bệnh viện, khu văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ.

+ Khu số 3: Khu dân cư Xuân Thới Sơn, Xuân Thới Đông và một phần Xuân Thới Thượng:

- Dân số hiện trạng năm 2007 là: 46.937 người.
- Dân số dự kiến năm 2020 là: 90.000 người.
- Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 30 - 40%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 25 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng như: trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, bệnh viện, khu văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ.

+ Khu số 4: Khu dân cư Xuân Thới Đông, Xuân Thới Thượng và xã Bà Điểm, diện tích 1.017 ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 47.545 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 105.000 người.

• Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 30 - 40%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 30 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng như: trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, bệnh viện, khu văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ.

+ Khu số 5: Khu dân cư thị trấn Hóc Môn, Tân Xuân, Trung Chánh, Thới Tam Thôn và xã Đông Thạnh, diện tích 1.140ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 84.287 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 125.000 người.

• Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 30 - 40%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 30 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng như: trường trung học phổ thông, trường dạy nghề, bệnh viện, khu văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ.

+ Khu số 6: Khu dân cư sinh thái xã Nhị Bình, diện tích 656ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 8.942 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 30.000 người.

• Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Mật độ xây dựng: 15 - 20%.

Tầng cao xây dựng: 2 - 5 tầng.

• Chức năng gồm: khu ở và các công trình công cộng như: trường trung học phổ thông, thương mại dịch vụ du lịch với quy mô 10ha.

- Dân cư nông thôn được tập trung xây dựng tại các điểm dân cư lớn tồn tại lâu dài với quy mô tương đối phù hợp trên 200 hộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng hạ tầng cơ sở. Số dân nông thôn dự kiến khoảng 100.000 người chiếm 15,4% tổng số dân, gồm 3 khu với tổng diện tích 1.666ha như sau:

+ Khu dân cư Tân Hiệp, Thới Tam Thôn, diện tích 681ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 25.350 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 41.000 người.

+ Khu dân cư Đông Thạnh, Thới Tam Thôn, diện tích 600ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 28.330 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 36.000 người.

+ Khu dân cư Xuân Thới Sơn, diện tích 385ha:

• Dân số hiện trạng năm 2007 là: 8.326 người.

• Dân số dự kiến năm 2020 là: 23.000 người.

### 3.2. Trung tâm huyện và các công trình công cộng:

Hệ thống trung tâm và các hạng mục công trình công cộng của huyện bảo đảm đủ các loại hình phục vụ thiết yếu cho dân cư.

#### 3.2.1. Trung tâm hành chính huyện:

- Trung tâm hành chính huyện dự kiến bố trí tại khu đất có quy mô 4,5ha (cạnh cụm công nghiệp Khánh Đông thuộc xã Xuân Thới Sơn):

+ Bắc giáp đường Nguyễn Văn Búra.

+ Nam giáp cụm công nghiệp Khánh Đông.

+ Đông giáp Quốc lộ 22.

+ Tây giáp khu dân cư hiện hữu.

- Mỗi xã, thị trấn đều có khu hành chính và các công trình công cộng phúc lợi cần thiết được bố trí tại trung tâm các điểm dân cư.

#### 3.2.2. Trung tâm thương mại dịch vụ:

- Trước mắt tận dụng các cơ sở đã có và từng bước hoàn thiện đủ điều kiện phục vụ cho nhu cầu của người dân.

- Khu trung tâm thương mại dịch vụ: được bố trí theo tuyến dọc Quốc lộ 22.

- Phát triển các công trình thương mại dịch vụ tại các khu đô thị mới như: Khu đô thị Tây Bắc, Khu đô thị 741,83ha xã Tân Thới Nhì và Tân Hiệp, Khu đô thị Bà Điểm...

### 3.2.3. Hệ thống công trình y tế:

- Mỗi đơn vị ở (10.000 - 20.000 dân) bố trí một cơ sở y tế quy mô 500m<sup>2</sup>.

- Đầu tư mở rộng bệnh viện đa khoa Hóc Môn hiện hữu.

- Xây mới các bệnh viện tại khu đô thị 741,83ha xã Tân Thới Nhì và Tân Hiệp, khu đô thị Tây Bắc và các khu đô thị mới trên địa bàn huyện.

### 3.2.4. Công trình giáo dục:

- Mỗi khu đô thị, xã đều có bố trí trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo đủ quy mô và bán kính phục vụ, diện tích bình quân một chỗ học là 10m<sup>2</sup>.

- Hệ thống trường trung học phổ thông, trường dạy nghề cân đối chung trên địa bàn huyện, bảo đảm đủ chỗ cho tất cả học sinh trong độ tuổi.

### 3.2.5. Trung tâm văn hóa:

- Trung tâm văn hóa, thương mại dịch vụ tại khu vực Ngã Ba Giòng - Xuân Thới Thượng, diện tích đất khoảng 40ha.

### 3.2.6. Công trình công cộng cấp Trung ương, thành phố:

- Khu giáo dục đào tạo tại khu đô thị Tây Bắc quy mô 300ha.

- Khu công trình công cộng khu đô thị Tây Bắc 100ha.

- Khu đô thị 741,83ha xã Tân Thới Nhì và Tân Hiệp: 62ha.

- Trung tâm cai nghiện: 50ha.

- Chợ đầu mối Tân Xuân: 8ha.

### 3.3. Công viên cây xanh:

- Đến năm 2020, công viên cây xanh có tổng diện tích là 917ha, chỉ tiêu 14,1 m<sup>2</sup>/người, được bố trí tập trung thành từng khu và phân tán tại các khu dân cư.

- Khu công viên cây xanh tập trung kết hợp vui chơi giải trí tại xã Xuân Thới Thượng 200ha; xã Đông Thạnh 90ha; xã Xuân Thới Sơn 50ha.



- Dọc sông Sài Gòn tổ chức mảng xanh liên hoàn tạo cảnh quan, phát triển du lịch sinh thái.

- Các khu ở bố trí cây xanh kết hợp thể dục thể thao có quy mô dưới 10ha bố trí tại các đơn vị ở.

#### 3.4. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Tổng diện tích đất dành phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là 1.180ha, chiếm tỷ lệ 10,8% tổng diện tích toàn huyện, trong đó gồm:

+ Khu công nghiệp Xuân Thới Thượng, quy mô 300ha.

+ Cụm công nghiệp: gồm 8 cụm với diện tích 531ha gồm:

• Cụm công nghiệp Tân Thới Nhì (thuộc Khu đô thị 741,83ha xã Tân Thới Nhì và Tân Hiệp): 87ha.

• Cụm công nghiệp Tân Hiệp (A): 25ha

• Cụm công nghiệp Tân Hiệp (B): 20ha

• Cụm công nghiệp Xuân Thới Sơn (A): 38ha

• Cụm công nghiệp Xuân Thới Sơn (B): 40ha

• Cụm công nghiệp Nhị Xuân: 230ha

• Cụm công nghiệp Đông Thạnh: 36ha

• Cụm công nghiệp Dương Công Khi: 55ha.

- Các cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm, được lưu sử dụng xen cài trong khu dân cư gồm:

+ Các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp hiện hữu và kho bãi: 316ha.

#### 3.5. Đất các khu công năng khác:

- Nhà máy nước Tân Hiệp 12ha.

- Nhà máy xử lý nước thải Tân Hiệp - 20ha.

- Nhà máy xử lý nước thải tại Bà Điểm thuộc Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - 14ha.

- Nghĩa trang liệt sĩ (3ha) được xây dựng kề với khu tưởng niệm Ngã ba Giồng thuộc xã Xuân Thới Thượng.

- Nghĩa trang huyện (10ha) được bố trí gần Nhà máy xử lý rác tại xã Đông Thạnh.

- Bến xe Xuyên Á - xã Tân Thới Nhì quy mô 25ha.

- Đất quân sự: 73,6ha.

- Công trình tôn giáo.

- Đất nông nghiệp: dự kiến khoảng 1.200ha dành cho sản xuất nông nghiệp kỹ thuật cao kết hợp với du lịch sinh thái, chủ yếu phát triển vườn cây ăn trái và cây kiểng. Đất nông nghiệp đồng thời giữ chức năng dự trữ phát triển đô thị và được phân bố tại xã Tân Hiệp (150ha), xã Thới Tam Thôn (178ha), xã Xuân Thới Thượng (296ha), xã Đông Thạnh (456ha), xã Nhị Bình (50ha) và xã Xuân Thới Sơn (70ha).

#### **4. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch:**

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất:

##### 4.1.1. Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2010:

Diện tích đất tự nhiên của huyện Hóc Môn là 10.943,4ha, chia ra:

- Đất dân dụng : 2.691,98ha, chiếm tỷ lệ 24,6%, trong đó:
  - + Đất ở: 2.328,0ha, chiếm tỷ lệ 21,3% (đất khu dân cư đô thị: 896ha, chiếm tỷ lệ 8,2% và khu nông thôn 1.432ha, chiếm tỷ lệ 13,1%).
  - + Đất khu hỗn hợp : 29ha, chiếm tỷ lệ 0,3%
  - + Đất công trình công cộng: 168ha, chiếm tỷ lệ 1,5%
  - + Đất cây xanh : 21ha, chiếm tỷ lệ 0,2%
  - + Đất giao thông : 145,98ha, chiếm tỷ lệ 1,3%.
- Đất khác trong khu dân dụng: 355,2ha, chiếm tỷ lệ 3,2%, trong đó:
  - + Đất công trình công cộng cấp thành phố: 327ha, chiếm tỷ lệ 3,0%.
  - + Đất tôn giáo : 28,2ha, chiếm tỷ lệ 0,3%.
- Đất ngoài dân dụng : 7.896,22ha, chiếm tỷ lệ 72,2%:
  - + Đất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, kho: 500ha
  - + Đất giao thông đối ngoại : 44,16ha
  - + Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 36,2ha
  - + Đất an ninh quốc phòng : 68,1ha
  - + Đất mặt nước sông rạch : 522,1ha

+ Đất nông lâm nghiệp : 6.676,05ha

+ Đất khác : 49,61ha

#### 4.1.2. Giai đoạn đến năm 2015:

- Đất dân dụng: 4.286,91ha, chiếm tỷ lệ 39,2%, trong đó:

+ Đất ở: 3.230ha, chiếm tỷ lệ 29,5% (đất khu dân cư đô thị: 1.907ha, chiếm tỷ lệ 17,4% và khu nông thôn 1.323ha chiếm tỷ lệ 12,1%).

+ Đất khu hỗn hợp : 50ha, chiếm tỷ lệ 0,5%

+ Đất công trình công cộng : 252ha, chiếm tỷ lệ 2,3%;

+ Đất cây xanh : 168ha, chiếm tỷ lệ 1,5%;

+ Đất giao thông : 586,91ha, chiếm tỷ lệ 5,4%.

- Đất khác trong khu dân dụng: 385,2ha, chiếm tỷ lệ 3,5%, trong đó:

+ Đất công trình công cộng cấp thành phố: 357ha, chiếm tỷ lệ 3,3%.

+ Đất tôn giáo : 28,2ha, chiếm tỷ lệ 0,3%.

- Đất ngoài dân dụng: 6.271,29ha, chiếm tỷ lệ 57,3%, trong đó:

+ Đất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, kho : 850ha

+ Đất giao thông đối ngoại : 177,84ha

+ Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 36,2ha

+ Đất an ninh quốc phòng : 68,1ha

+ Đất mặt nước : 502,1ha

+ Đất nông lâm nghiệp : 4.637,05ha

#### 4.1.3. Giai đoạn đến năm 2020:

- Đất dân dụng: 6.657,99ha, chiếm tỷ lệ 60,8%, trong đó:

+ Đất ở: 4.352,22ha, chiếm tỷ lệ 39,8% (đất khu dân cư đô thị: 3.031,22ha, chiếm tỷ lệ 27,7% và khu nông thôn 1.321ha, chiếm tỷ lệ 12,1%).

+ Đất khu hỗn hợp : 104ha, chiếm tỷ lệ 1,0%

+ Đất công trình công cộng : 346ha, chiếm tỷ lệ 3,2%;

+ Đất cây xanh : 917ha, chiếm tỷ lệ 8,4%;

+ Đất giao thông : 938,77ha, chiếm tỷ lệ 8,6%.

- Đất khác trong khu dân dụng: 1.004,2ha, chiếm tỷ lệ 9,2%, trong đó:
  - + Đất công trình công cộng cấp thành phố : 520ha, chiếm tỷ lệ 4,8%.
  - + Đất du lịch sinh thái : 456ha, chiếm tỷ lệ 4,2%.
  - + Đất tôn giáo : 28,2ha, chiếm tỷ lệ 0,3%.
- Đất ngoài dân dụng: 3.281,21ha, chiếm tỷ lệ 30%, trong đó:
  - + Đất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, kho : 1.180ha
  - + Đất giao thông đối ngoại : 315,22ha
  - + Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật : 98ha
  - + Đất an ninh quốc phòng : 73,6ha
  - + Đất mặt nước : 414,39ha
  - + Đất nông lâm nghiệp : 1.200ha

#### 4.2. Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Đất dân dụng: 102,4 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất ở : 67 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất hỗn hợp : 1,6 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất công trình công cộng : 5,3 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất công viên cây xanh : 14,1 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất giao thông : 14,4 m<sup>2</sup>/người.
- Quy mô dân số : 650.000 người.
- + Dân số đô thị : 550.000 người.
- + Dân số nông thôn : 100.000 người.
- Mật độ xây dựng : 30 - 40%.
- Tầng cao xây dựng : cao nhất 35 tầng.

### 5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

#### 5.1. Quy hoạch giao thông:

- Tổ chức giao thông theo hướng cải tạo mở rộng theo đúng lộ giới quy định, kết hợp xây mới một số tuyến đường tạo thành mạng lưới đường hoàn chỉnh.
- Các tuyến đường giao thông đối ngoại:

+ Đường Quốc lộ 1A, đường Quốc lộ 22 (đoạn từ đường Hương lộ 60 đến ranh huyện Củ Chi) có lộ giới 120m.

+ Đường Quốc lộ 22 (đoạn từ quận 12 đến đường Hương lộ 60), đường Vành đai 3 có lộ giới 60m.

- Các tuyến đường giao thông đối nội: trên cơ sở các tuyến đường chính hiện hữu dự kiến nâng cấp mở rộng theo quy định lộ giới, hình thành và phát triển thêm các tuyến đường chính trong các khu đô thị.

+ Đường D5 (đường số 1) và 2 tuyến đường vòng thuộc khu đô thị Đại học Quốc tế Berjaya có lộ giới 60m.

+ Đường Lê Văn Khương, đường Bùi Công Trừng, đường Đặng Công Bình, đường Đặng Thúc Vịnh, đường Nguyễn Văn Búra, đường Tô Ký (theo tuyến hiện hữu), đường Vòng cung Tây Bắc, đường N6 nối dài, đường dọc Kênh Xáng, đường dọc Rạch Tra, đường nối Kênh Xáng - Vòng cung Tây Bắc có lộ giới 40m.

+ Các tuyến đường còn lại có quy mô lộ giới từ 16m đến 30m.

- Tuyến đường sắt:

+ Tuyến đường sắt liên đô thị thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài Tây Ninh, trong đó tại một số đoạn tuyến có hành lang đường bộ ở hai bên đường sắt, trên đoạn tuyến bố trí 2 ga dọc đường, quy mô 0,5 - 1ha cho mỗi ga.

+ Tuyến đường sắt quốc gia phía Tây thành phố Hồ Chí Minh (Dĩ An - Tân Kiên) tuyến, trong đó tại một số đoạn tuyến có hành lang đường bộ ở hai bên đường sắt.

- Giao thông thủy: gồm sông Sài Gòn, rạch Tra, kênh Xáng (kênh Thầy Cai), kênh An Hạ và rạch Cầu Mênh. Các kênh rạch khác không có chức năng thủy, chủ yếu sử dụng cho tiêu thoát nước.

- Bến bãi xe: Dự kiến nâng cấp bến xe An Suông thành bến bãi xe buýt thành phố, đảm nhận chức năng giao thông công cộng với quy mô khoảng 1,6ha và xây dựng mới bến xe Xuyên Á, quy mô 25ha. Đây là bến xe khách liên tỉnh tại cửa ngõ Tây Bắc thành phố trên địa bàn huyện Hóc Môn.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Quy hoạch chiều cao (san nền):

+ Cao độ xây dựng không chế:  $H_{xd} \geq$  mực nước cao tính toán + chiều cao an toàn (0,5m).

+ Khu vực có nền đất cao trên cao độ xây dựng không chế:

• Chỉ san ủi cục bộ khi xây dựng công trình; hoàn thiện mặt phủ và tổ chức tiêu thoát nước mặt.

• Với các khu xây dựng mới hiện nay là đất ruộng, màu cần thiết tôn nền  $\geq 0,5\text{m}$  tránh úng ngập và ảnh hưởng của mực nước ngầm.

+ Cao độ nền thiết kế: từ 12,50m đến 2,0m.

+ Hướng đổ dốc: theo hướng dốc địa hình tự nhiên (từ các triền cao về phía kênh, rạch ở vùng thấp).

+ Độ dốc nền thiết kế: từ 0,3% đến 10%.

+ Khu vực có nền đất thấp dưới cao độ xây dựng không chế:

• Khu hiện hữu cải tạo: khuyến cáo nâng dần nền công trình, nền đường theo cao độ xây dựng không chế khi có điều kiện.

• Khu xây dựng mới: tôn nền triệt để.

Cao độ nền thiết kế: từ 2,0m đến 4,54m.

Hướng đổ dốc: theo hướng dốc địa hình tự nhiên, về phía các kênh, rạch và từ giữa các tiểu khu ra xung quanh.

Độ dốc nền thiết kế: từ 0,3% đến 1%.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Tận dụng triệt để hệ thống kênh rạch, cải tạo nạo vét làm tuyến thoát nước cấp 1.

+ Hướng thoát nước: các tuyến cống có hướng thoát tập trung về phía các kênh, rạch trong khu vực.

+ Sử dụng hệ thống cống ngầm cho tuyến thoát nước cấp 2, cấp 3.

+ Nối cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,70m.

5.3. Quy hoạch cấp điện:

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:  $350 \div 1800 \text{ KWh/người/năm}$ .

+ Chỉ tiêu cấp điện CN:  $300 \div 400 \text{ KW/ha}$ .

- Nguồn cấp điện cho huyện Hóc Môn sẽ được tiếp tục lấy từ các trạm trung gian 220/110KV và các trạm 110/15-22KV hiện hữu cải tạo: Hóc Môn, Vĩnh Lộc, Củ

Chi, Tân Hiệp. Dài hạn sẽ được cấp thêm từ các trạm 220/110KV và các trạm 110/15-22KV xây dựng mới: Bình Tân, Bình Chánh, Cầu Bông, Hóc Môn 2, Hóc Môn 3, Đông Thạnh (trạm An Phú Đông), Đô thị Đại học 1, Đô thị Đại học 2, Công nghiệp Nhì Xuân.

- Mạng lưới phân phối quy hoạch cấp điện phù hợp:

+ Lưới trung thế điện áp 22KV được xây dựng theo cấu trúc mạch vòng vận hành hở, mỗi tuyến chính có tiết diện  $\geq 240\text{mm}^2$ .

+ Lưới hạ thế sử dụng cáp đồng bọc cách điện XLPE chôn ngầm ở các khu dân cư xây dựng mới, khu chung cư cao tầng, khu công trình công cộng.

+ Riêng lưới điện hiện hữu vẫn duy trì cáp vặn xoắn ABC đi trên không và từng bước ngầm hóa theo tiến độ chỉnh trang đô thị của khu vực.

+ Trạm biến thế phân phối 15-22/0,4KV xây dựng mới kiểu trạm phòng, trạm cột, trạm kiosk đảm bảo bán kính phục vụ cấp điện  $\leq 200\text{m}$ . Các trạm hiện hữu loại trạm giàn, treo trên trụ không phù hợp và không đảm bảo an toàn sẽ được tháo gỡ và thay dần bằng loại trạm cột (trạm đơn thân), trạm kiosk.

+ Đèn chiếu sáng giao thông sử dụng đèn cao áp công suất phù hợp và tiết kiệm hiệu quả năng lượng, gắn trên trụ thép tráng kẽm, lưới cấp điện được xây dựng ngầm.

#### 5.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố thuộc hệ thống Nhà máy nước Tân Hiệp (sông Sài Gòn 1), Nhà máy nước kênh Đông và nguồn nước mặt trên các sông, rạch (sông Sài Gòn, kênh An Hạ, rạch Tra - kênh Thầy Cai, rạch Sa).

- Tiêu chuẩn cấp nước :

+ Cấp nước sinh hoạt : 180 - 200 lít/người/ngđ.

+ Cấp nước khu vực nông thôn : 120 - 150 lít/người/ngđ.

+ Cấp nước khu công nghiệp : 50 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

+ Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy: 90 lít/s cho 01 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 03 đám cháy.

Tổng nhu cầu dùng nước:

+ Năm 2010: 78.303 - 89.200 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Năm 2015: 151.505 - 180.915 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Năm 2020: 177.785 - 211.755 m<sup>3</sup>/ngày.

- Phương án bố trí, thiết kế mạng lưới cấp nước.

5.5. Quy hoạch thoát nước bản, rác thải và vệ sinh môi trường:

a) Thoát nước bản:

- Giải pháp thoát nước:

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, nước thải được thu gom nước về trạm xử lý tập trung theo từng lưu vực để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường tự nhiên.

+ Nước thải công nghiệp được xử lý cục bộ trong từng khu công nghiệp, không đưa về xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

- Tiêu chuẩn thoát nước:

+ Nước thải sinh hoạt : 180 - 200 lít/người/ngđ.

+ Nước thải khu vực nông thôn : 120 - 150 lít/người/ngđ

+ Nước thải khu công nghiệp : 50 m<sup>3</sup>/ha/ngày.

- Tổng lượng nước thải:

+ Khu dân cư:

Năm 2010 : 86.173 - 103.407 m<sup>3</sup>/ngày.

Năm 2015 : 114.213 - 137.055 m<sup>3</sup>/ngày.

Năm 2020 : 194.090 - 232.908 m<sup>3</sup>/ngày.

+ Khu công nghiệp:

Năm 2010 : 20.000 - 22.000 m<sup>3</sup>/ngày.

Năm 2015 : 34.000 - 37.400 m<sup>3</sup>/ngày.

Năm 2020 : 47.200 - 51.920 m<sup>3</sup>/ngày.

- Phương án bố trí thiết kế mạng lưới thoát nước theo từng lưu vực thoát nước.

b) Rác thải và vệ sinh môi trường:

- Tiêu chuẩn rác thải:

+ Rác thải sinh hoạt : 0,9 - 1,2 kg/người/ngày/đêm.

+ Rác thải khu công nghiệp : 0,5 tấn/ha/ngày.



- Tổng lượng rác thải:

+ Khu dân cư:

Năm 2010 : 298 tấn/ngày.

Năm 2015 : 380 tấn/ngày.

Năm 2020 : 760 tấn/ngày.

+ Khu công nghiệp:

Năm 2010 : 250 tấn/ngày.

Năm 2015 : 425 tấn/ngày.

Năm 2020 : 590 tấn/ngày.

- Phương án xử lý: rác thải được thu gom về 07 trạm ép rác kín trước khi vận chuyển về Khu liên hiệp xử lý rác của thành phố theo quy hoạch.

5.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống:

- Việc bố trí các hệ thống hạ tầng kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật.

**6. Việc quản lý quy hoạch trên địa bàn huyện Hóc Môn cần lưu ý một số điểm sau:**

- Dựa vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn cần phối hợp với các Sở, ngành thành phố có liên quan để lập danh mục các dự án, chương trình đầu tư, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm hiện thực hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng.

- Các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 cũng như các dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn đợt đầu cần chú ý xác định ranh giới, quy mô sử dụng đất phù hợp, hạn chế di dời giải tỏa và gây xáo trộn tại những khu vực dân cư hiện hữu ổn định.

- Cần lưu ý về ranh và diện tích đất dân cư nông thôn, dân cư đô thị theo các dự án đã duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000.

- Về quy hoạch giao thông: Chi giới xây dựng sẽ được xem xét thẩm định cụ thể trong các đồ án Quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết xây dựng.

Quy mô các trạm ép rác kín cần có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường cụ thể (vị trí, quy mô, công suất, loại hình xây dựng trạm, bán kính phục vụ,...).

**Điều 2.** Trên cơ sở nội dung Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt, giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu các đề án quy hoạch chi tiết trên địa bàn huyện Hóc Môn và trình duyệt theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3****ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 3****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2010/CT-UBND

*Quận 3, ngày 17 tháng 8 năm 2010***CHỈ THỊ****Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội  
và dự toán ngân sách quận 3 năm 2011**

Thực hiện Chỉ thị số 18/2010/CT-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2011; trên cơ sở dự báo khả năng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận 3 năm 2010, Ủy ban nhân dân quận chỉ thị Thủ trưởng các phòng - ban - ngành quận, các đơn vị sự nghiệp thuộc quận quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Giám đốc Công ty Dịch vụ công ích quận 3 khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2011 của cơ quan, đơn vị và địa phương mình với những yêu cầu và nội dung chủ yếu sau:

**A. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN 3 NĂM 2011****I. Nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội quận 3 năm 2011**

Năm 2011 có vị trí, vai trò quan trọng trong giai đoạn 2011 - 2015, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ IX, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ X, Kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) và chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm (2011 - 2020). Để quận 3 tiếp tục phát triển toàn diện, xứng tầm một quận trung tâm của thành phố, tạo đà cho các năm kế tiếp, mục tiêu chủ yếu của năm 2011 là “Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và nhân dân để giữ vững ổn định chính trị, củng cố quốc phòng an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, chỉnh trang đô thị, bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân”.

Nhiệm vụ trọng tâm của năm 2011 là:

### **1. Về kinh tế:**

Ổn định và phát triển cơ cấu kinh tế dịch vụ - thương mại - sản xuất tiểu thủ công nghiệp, trong đó ưu tiên phát triển các lĩnh vực có hàm lượng chất xám và giá trị gia tăng cao như: tài chính, ngân hàng, chứng khoán; dịch vụ tư vấn; bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin; giao dịch bất động sản; hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại, khu phố chuyên doanh có quy mô hiện đại và chất lượng cao. Sắp xếp, tạo điều kiện hình thành, phát triển những khu vực, tuyến đường với những ngành hàng đặc trưng. Gắn phát triển với đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng, phân đấu khu vực thương mại - dịch vụ có tốc độ tăng trưởng chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu kinh tế của quận.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, tạo điều kiện phát huy vai trò Liên hiệp hợp tác xã thương mại quận, các hợp tác xã phường, liên phường; phát triển nhanh mạng lưới bán buôn và bán lẻ; hoàn tất việc phá sản Xí nghiệp May xuất khẩu quận, tổ chức bán đấu giá doanh nghiệp đối với Công ty Trilimex, và lập thủ tục giải thể Công ty EPCO.

Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bảo đảm bình đẳng, công khai minh bạch nhằm thu hút các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển hạ tầng và cải tạo, chỉnh trang đô thị; rà soát tổng thể các dự án mời gọi đầu tư chỉnh trang đô thị trên địa bàn, hoàn chỉnh thủ tục pháp lý, đẩy nhanh tiến độ công tác đền bù giải tỏa, tái định cư... tạo điều kiện đưa công trình, dự án đi vào triển khai thực hiện, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển đổi bộ mặt đô thị của quận.

Tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các công trình, dự án đầu tư từ nguồn vốn ngân sách, huy động trong nhân dân, trong đó ưu tiên đầu tư cho các công trình, dự án được Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ X đề ra; tăng cường theo dõi, đánh giá, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn trong tất cả các khâu: quy hoạch, lập dự án, thẩm định, thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán nhằm bảo đảm việc quản lý và sử dụng vốn công khai, minh bạch.

Tăng cường công tác phối hợp giữa các phòng chức năng và Ủy ban nhân dân phường trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể; xây dựng kế hoạch và triển khai có hiệu quả công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá trên địa bàn; phối hợp thực hiện chương trình bình ổn thị trường gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; chủ động thực hiện quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và công tác kiểm tra, kiểm soát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Tiếp tục thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý Nhà nước, nhất là ngành thuế nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế và thu hút các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh đầu tư vào quận; phấn đấu thu ngân sách đạt và vượt dự toán được giao hàng năm, phân bổ chi ngân sách có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo phục vụ tốt nhất cho chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.

## **2. Về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, bảo đảm an sinh xã hội và các lĩnh vực khác:**

### **2.1. Về phát triển khoa học và công nghệ:**

Phấn đấu tăng dần tỷ trọng đầu tư hàng năm đối với công tác khoa học và công nghệ; tổ chức ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất kinh doanh; đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin, các phần mềm quản lý để nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả giải quyết công việc tại các cơ quan, đơn vị nhà nước.

### **2.2. Về giáo dục - đào tạo, dạy nghề:**

Nâng cao chất lượng dạy và học, tiếp tục thực hiện đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy ở các bậc học, cấp học theo quy định của Bộ và Sở; nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt quy hoạch chi tiết mạng lưới trường học trên địa bàn quận đến năm 2020; phân kỳ đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới cơ sở vật chất trường lớp, đầu tư trang thiết bị theo tiêu chuẩn quốc gia; đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào lĩnh vực giáo dục - đào tạo.

### **2.3. Về bảo đảm an sinh xã hội:**

Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác giảm nghèo, tăng hộ khá, tạo việc làm thông qua kế hoạch quản lý và khai thác hiệu quả cung, cầu lao động trên địa bàn. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, tích cực chăm lo cho diện chính sách, thương binh, liệt sĩ, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Đẩy mạnh tiến độ và chất lượng thực hiện chương trình 3 giảm gắn với việc đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo, tăng hộ khá.

Giải quyết có hiệu quả những vấn đề bức xúc của xã hội, tăng cường chăm lo cải thiện và nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân. Thường xuyên rà soát, tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí và chính sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; ngăn chặn và hạn chế tối

đa tỷ lệ tái nghiên ma túy, tăng cường các giải pháp quản lý giáo dục và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện hồi gia

#### **2.4. Về y tế:**

Thực hiện các chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; nâng cao chất lượng hệ thống y tế dự phòng để chủ động phòng, chống dịch bệnh; tăng cường công tác tuyên truyền, quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiên quyết không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trên địa bàn.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh cho nhân dân, nhất là đối với người thuộc diện chính sách có công với Nước, người nghèo.

Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực của xã hội đầu tư vào lĩnh vực y tế; từng bước bổ sung bác sỹ và đầu tư cơ sở vật chất để xây dựng các trạm y tế phường đạt chuẩn quốc gia; nâng cấp, mở rộng Bệnh viện quận 3; tăng cường quản lý, kiểm tra hoạt động y dược tư nhân, chất lượng và giá thuốc trên địa bàn.

#### **2.5. Về văn hóa, thể dục thể thao:**

Duy trì, phát triển và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”; đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Bộ Chính trị về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội bằng nhiều biện pháp, hình thức thích hợp, có hiệu quả; tiếp tục các hoạt động thực hiện chủ đề nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị và cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

Hoàn thành quy hoạch ngành văn hóa, thể dục thể thao; thực hiện điều chỉnh quy hoạch ngành nghề kinh doanh lĩnh vực nhạy cảm, quy hoạch về quảng cáo; nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, đảm bảo các hoạt động văn hóa theo đúng quy định của pháp luật, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và từng bước nâng cao đời sống tinh thần của người dân.

Đẩy mạnh phong trào luyện tập thể dục thể thao thường xuyên trong nhân dân; thực hiện tốt chương trình đào tạo thế hệ trẻ, nhất là lực lượng vận động viên năng khiếu của các môn thể thao đỉnh cao; củng cố và nâng cao hiệu quả đào tạo, giữ vững thành tích trong thi đấu tại các giải của thành phố, quốc gia, quốc tế.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao; củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể dục Thể thao; đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hoạt động văn hóa và thể dục thể thao.

## **2.6. Về an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội:**

Bảo đảm giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận. Xây dựng lực lượng Công an, Quân đội vững mạnh toàn diện, sẵn sàng xử lý có hiệu quả các tình huống xảy ra. Triển khai thực hiện Luật Dân quân tự vệ; thực hiện đúng quy trình tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ, hoàn thành chỉ tiêu giao quân ở cả hai cấp quận - phường. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện Chương trình Quốc gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy.

Thực hiện tốt công tác diễn tập phòng thủ, hội thao quốc phòng sát với thực tế, chất lượng, tiết kiệm và an toàn tuyệt đối; tăng cường quản lý và tổ chức huấn luyện quân nhân dự bị; phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của lực lượng Bảo vệ dân phố; tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất trụ sở Công an và Ban Chỉ huy quân sự phường.

Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực giao thông đường bộ, tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân trong việc chấp hành pháp luật khi tham gia giao thông; triển khai đồng bộ các biện pháp để giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông kéo dài; duy trì công tác kiểm tra thường xuyên nhằm làm thông thoáng tại các tuyến đường, khu vực trọng điểm; cương quyết ngăn chặn tái lấn chiếm đối với các trường hợp đã giải tỏa, đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo Nghị định số 34/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ; thực hiện các giải pháp nhằm kéo giảm tai nạn giao thông cả về 3 mặt (số vụ, số người chết và bị thương).

## **3. Về quản lý đô thị và bảo vệ môi trường:**

### **3.1. Về quản lý đô thị:**

Quản lý về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn, tăng cường lập lại trật tự kỷ cương trong quản lý đô thị, xây dựng.

Hoàn thành quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000; quy hoạch sử dụng đất đến 2015, định hướng đến năm 2020 đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của quận.

Chủ động cung cấp, định hướng cho các chủ đầu tư các tiêu chí quy hoạch kiến trúc như: các quy định về bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa dân tộc, khu vực cảnh quan biệt thự; các chỉ tiêu dân số, mật độ xây dựng, số tầng, chiều cao công trình.. .

Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó tập trung ở lĩnh vực giao thông, cải tạo nâng cấp vỉa hè, vận động nhân dân mở rộng hẻm, phủ

mảng xanh các điểm sinh hoạt công cộng và các tuyến đường trọng điểm, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, cải tạo và nâng cấp các chung cư hư hỏng, xuống cấp.

### **3.2. Về bảo vệ tài nguyên và môi trường:**

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong gìn giữ và bảo vệ môi trường. Chủ động thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão và giảm nhẹ thiên tai, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường trong các khu dân cư, tăng cường kiểm soát và xử lý triệt để các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường và chất thải nguy hại, chất thải y tế; hoàn thiện chương trình chuyển đổi thời gian thu gom rác dân lập từ ngày sang đêm; có những giải pháp cụ thể để thực hiện chủ trương về thu phí vệ sinh và phí môi trường đối với chất thải rắn thông thường trên địa bàn quận.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình chống và xóa ngập nước; kiểm soát, ngăn chặn không để phát sinh điểm ngập mới trên địa bàn quận; tăng cường phát triển nguồn và mạng cấp nước đô thị, đảm bảo việc cung cấp nước sạch cho nhân dân.

### **4. Về cải cách hành chính:**

Thực hiện cải cách hành chính trên 4 lĩnh vực: thể chế, tổ chức bộ máy, thủ tục hành chính và quản lý tài sản công, đồng thời gắn với mục tiêu xây dựng mô hình chính quyền đô thị, xây dựng nền hành chính trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý Nhà nước theo hướng tinh gọn; xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất và năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Trọng tâm của công tác cải cách hành chính là tiếp tục đề xuất với sở, ngành thành phố về đơn giản hóa các thủ tục hành chính, hoàn thiện mô hình “một cửa liên thông” giữa quận và 14 phường, đảm bảo và rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ của công dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý Nhà nước; công khai các quy trình, thủ tục hành chính cho công dân, doanh nghiệp thông qua Website quận 3; đổi mới phương thức điều hành, tạo sự công khai minh bạch trong công tác quản lý Nhà nước; phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại giữa các ngành, các cấp với cộng đồng doanh nghiệp và dân cư.

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác hòa giải cơ sở, công tác quản lý Nhà nước về tình hình án dân sự, công tác hộ tịch.



Tổ chức tốt công tác tiếp dân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, không để khiếu nại tồn đọng kéo dài, không để phát sinh điểm nóng khiếu kiện đông người trên địa bàn quận.

Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn và tài sản của Nhà nước; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra kinh tế - xã hội; kết hợp thanh, kiểm tra với đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hành tiết kiệm.

Nâng cao chất lượng công tác thống kê, phân tích, tổng hợp, đánh giá và đề xuất biện pháp khắc phục tại các cơ quan tổng hợp, cơ quan chuyên môn của quận để làm cơ sở điều chỉnh linh hoạt, kịp thời các chính sách và giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quận.

### **5. Một số chỉ tiêu chủ yếu của năm 2011:**

Tổ chức thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2011 được Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ X thông qua, mỗi phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân 14 phường cần rà soát các yêu cầu, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý để có biện pháp chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011.

## **II. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách quận 3 năm 2011:**

Năm 2011 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách, là cơ sở báo cáo và giải trình với thành phố về số giao ổn định dự toán ngân sách năm 2011 và các năm tiếp theo. Đề nghị Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân 14 phường khi xây dựng dự toán ngân sách năm 2011 phải bám sát các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội được giao cho năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng dự toán theo hướng tích cực, khai thác hết các nguồn thu hợp pháp, đảm bảo đầy đủ nhu cầu chi theo các chế độ, chính sách hiện hành và theo yêu cầu thực tế của địa phương, trong đó cần chú ý:

**1. Dự toán thu** ngân sách nhà nước được xây dựng trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011 - 2015, khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2010; các chính sách chế độ hiện hành, các chế độ chính sách mới sẽ có hiệu lực thi hành năm 2011. Dự toán thu phải đảm bảo tính tích cực, tính đúng, tính đủ từng lĩnh vực thu, từng sắc thuế theo đúng quy định; bám sát các giải pháp trong việc tăng cường quản lý thu, chống thất thu, trốn lậu thuế, chống buôn lậu và gian lận thương mại, xử lý các khoản nợ đọng thuế. **Dự toán thu tăng tối thiểu 17% so với đánh giá ước thực hiện năm 2010.**

**2. Dự toán chi** ngân sách nhà nước năm 2011 được xây dựng trong phạm vi nguồn thu quận được hưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; theo các tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước năm 2011; trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện ngân sách năm 2010, các quy định về chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành và yêu cầu kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án quan trọng, bảo đảm triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xây dựng dự toán, trong đó:

**2.1.** Các phòng, ban, đơn vị, Ủy ban nhân dân 14 phường có trách nhiệm đánh giá, rà soát các chính sách, chế độ, định mức hiện hành thuộc ngành, lĩnh vực mình quản lý để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Khi đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế độ, định mức cần nắm chắc số lượng đối tượng, dự kiến nhu cầu kinh phí; tính toán lồng ghép giữa các chế độ sửa đổi hoặc ban hành mới với các chế độ hiện hành; phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch tính toán khả năng cân đối nguồn ngân sách thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân quận để trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Khi xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2011 cần **Lưu ý sắp xếp thứ tự ưu tiên theo mức độ quan trọng của các chế độ, nhiệm vụ cần thực hiện để chủ động trong thực hiện, đảm bảo hoàn thành những nhiệm vụ trọng yếu của cơ quan, đơn vị trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.**

**2.2.** Khi bố trí dự toán chi ngân sách cần chú ý:

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 và 5 năm 2011 - 2015, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ X, trong đó cần:

- Bố trí chi đầu tư phát triển phải đảm bảo tập trung vốn cho các công trình, dự án trọng điểm, cấp bách có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2011, các dự án, công trình trọng điểm, có hiệu quả và các công trình cấp bách khác; hoàn trả vốn ứng trước kế hoạch ngân sách năm 2011 và các năm trước chưa thu hồi; thanh toán khoản nợ khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành của các công trình thuộc nhiệm vụ của ngân sách Nhà nước.

- Hạn chế bố trí vốn cho các công trình, các dự án khởi công mới chưa thật sự cấp bách, không có trong quy hoạch được duyệt, chưa đủ thủ tục theo quy định, có nhiều vướng mắc về thủ tục đầu tư, chưa giải phóng mặt bằng.

b) Xây dựng chi sự nghiệp kinh tế theo hướng tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả đối với công tác vệ sinh môi trường, duy tu giao thông và các dịch vụ công ích khác.

c) Xây dựng chi phí phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường, quản lý hành chính nhà nước, quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội... theo đúng chính sách, chế độ.

d) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính Nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Khi có chỉ đạo của Thành phố sẽ thực hiện thí điểm chuyển một số đơn vị công lập có điều kiện sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

e) Bố trí ngân sách cho công tác quy hoạch theo đúng quy định, đảm bảo trong năm 2011 hoàn thành việc phê duyệt các quy hoạch phát triển thời kỳ 2011 - 2020.

f) Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để chủ động đối phó với thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

g) Tiếp tục chủ động thực hiện cơ chế tạo nguồn chi cải cách tiền lương theo các nguyên tắc do Chính phủ quy định và Bộ Tài chính hướng dẫn (nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên, không kể lương và các khoản có tính chất lương; một phần nguồn thu được để lại theo chế độ; 50% tăng thu ngân sách địa phương - không kể tăng thu tiền sử dụng đất; các nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm trước chưa sử dụng hết - nếu có).

h) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, tình hình thực hiện dự toán chế độ hiện hành, xây dựng dự toán chi thực hiện các nhiệm vụ quan trọng, trên cơ sở đó đề nghị ngân sách thành phố bổ sung cho ngân sách quận để thực hiện các công trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng theo quy định tại Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước và theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ X.

**3.** Cùng với việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2011, các phòng, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân 14 phường đánh giá, phân tích cụ thể kết quả đạt được và những yếu kém trong công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2010, giai đoạn 5 năm 2006 - 2010 và giai đoạn 10 năm 2001 - 2010.

**4.** Việc xây dựng dự toán ngân sách năm 2011 phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa

các cơ quan, đơn vị để đảm bảo nâng cao chất lượng và hiệu quả; phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng; đảm bảo dự toán ngân sách được xây dựng đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả.

5. Các phòng, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân 14 phường phải tổng hợp, báo cáo đầy đủ các nhu cầu chi theo quy định hiện hành; thuyết minh rõ ràng, chi tiết về dự toán thu, chi ngân sách năm 2011 theo từng đơn vị thực hiện, từng nội dung và từng nhiệm vụ cụ thể. Đối với các nội dung hiện nay chế độ chưa quy định, nhưng thực tế tại quận có phát sinh, cần phải được thuyết minh và lập dự toán cụ thể để quận có cơ sở làm việc với các sở, ngành thành phố.

## **B. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **I. Nội dung:**

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách quận cần được chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc. Nội dung kế hoạch phải bao quát hoạt động của các ngành, các cấp, các thành phần kinh tế trên địa bàn, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Những giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan, đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội quận 6 tháng đầu năm, dự ước cả năm 2010 và các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, từng phòng, ban, đơn vị và Ủy ban nhân dân 14 phường cần:

a) Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 trên cơ sở đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 3.

b) Đánh giá khách quan, trung thực các kết quả đạt được trong năm 2010 so với mục tiêu, nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2010 đã đề ra, đồng thời so sánh với mục tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ quận lần thứ IX.

c) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của đơn vị mình. Báo cáo đánh giá phải nêu rõ những mặt làm được, mặt chưa làm được, những khó khăn tồn tại, phân tích đầy đủ nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành; đề xuất những biện pháp, giải pháp thực hiện và các kiến nghị.

**II. Tiến độ thực hiện:**

1. Ủy ban nhân dân quận chủ trì tổ chức hướng dẫn khung Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2011 cho các phòng - ban - ngành, phường, Công ty Dịch vụ công ích trước ngày 21 tháng 8 năm 2010.

2. Trên cơ sở khung hướng dẫn, Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo số kiểm tra chi năm 2011, hướng dẫn biểu mẫu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2011 trước ngày 21 tháng 8 năm 2010.

3. Các phòng - ban - ngành, phường, Công ty Dịch vụ công ích khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2011, gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch trước ngày 30 tháng 8 năm 2010.

4. Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với Chi Cục Thuế quận 3, Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 3 tổng hợp nội dung báo cáo của các phòng - ban - ngành, phường, Công ty Dịch vụ công ích đề dự thảo sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách quận năm 2011, trình Ủy ban nhân dân quận xem xét thông qua, chuẩn bị làm việc với các sở, ngành của thành phố trước ngày 05 tháng 9 năm 2010.

5. Căn cứ kết quả thảo luận dự toán ngân sách quận với các sở, ngành thành phố, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân quận xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách quận năm 2011 trình Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận xem xét.

6. Căn cứ nhiệm vụ thu chi ngân sách do Ủy ban nhân dân thành phố giao, Ủy ban nhân dân quận 3 giao các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2011 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc trước ngày 15 tháng 12 năm 2010.

Yêu cầu Thủ trưởng các phòng - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường, Giám đốc Công ty Dịch vụ công ích quận 3 tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Hữu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2010/QĐ-UBND

Quận 3, ngày 19 tháng 8 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động**  
**của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường và Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 04 tháng 4 năm 2008;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội), được ban hành kèm theo Quyết định số 45/2007/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 3 tại Công văn số 43/VHTT ngày 04 tháng 6 năm 2010 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ quận 3 tại Tờ trình số 655/TTr-PNV ngày 14 tháng 7 năm 2010 và báo cáo thẩm định số 498/BC-TP ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Trưởng Phòng Tư pháp quận 3,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 3, Trưởng Phòng Nội vụ quận 3, Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận 3, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận 3, Trưởng Công an quận 3, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 3, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Hữu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Tổ chức và hoạt động**

**của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND*

*ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 3)*

### **Chương I**

## **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận là lực lượng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, được thành lập theo quy định của pháp luật, trên cơ sở phối hợp các ngành Văn hóa và Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Kinh tế, Y tế, Quản lý thị trường và các phòng, ban có liên quan để phòng, ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội, nhằm thiết lập trật tự kỷ cương, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức và công dân, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước.

### **Điều 2. Phạm vi hoạt động**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có trách nhiệm chủ động kiểm tra và phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan, trong việc kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, đánh bạc và các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

### **Chương II**

## **CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN**

### **Điều 3. Chức năng**



Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có chức năng kiểm tra, phát hiện và xác lập hồ sơ vi phạm pháp luật, đề xuất xử lý kịp thời trong các hoạt động văn hóa; dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

#### **Điều 4. Nhiệm vụ**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có nhiệm vụ:

1. Thường xuyên theo dõi, khảo sát nắm tình hình, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin, kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận để tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo các biện pháp nhằm ngăn chặn, đấu tranh với các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật phải yêu cầu đương sự đình chỉ ngay hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, xác lập đầy đủ hồ sơ vi phạm và chuyển vụ việc cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chuyển vụ việc vi phạm đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền đối với những trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

#### **Điều 5. Quyền hạn**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có quyền hạn:

1. Yêu cầu cơ quan, các tổ chức, cá nhân và các tổ chức đoàn thể phối hợp, hỗ trợ thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Yêu cầu chủ cơ sở hoạt động kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình các giấy tờ liên quan, cung cấp đầy đủ các vấn đề có liên quan đến việc kiểm tra; đồng thời đề nghị chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ phải hợp tác, hỗ trợ Đoàn Kiểm tra thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Lập biên bản khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính; thực hiện các quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; thực hiện quyết định khám người, khám phương tiện, đồ vật theo thủ tục hành chính, quyết định khám nơi cất giấu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có); đồng thời phải tiến hành theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Đối với hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Đoàn Kiểm tra hoặc hành vi có dấu hiệu của tội phạm thì phải lập biên bản, chuyển tài liệu liên quan, tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG**

### **Điều 6. Cơ cấu của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận được tổ chức ở 2 cấp: quận và phường. Cụ thể:

#### **1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3 gồm: 01 Trưởng Đoàn, 02 Phó Trưởng Đoàn do ngành Văn hóa và Thông tin quận đề xuất và hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Các thành viên trong Đoàn do các ngành và các phòng, ban thuộc quận cử ra, mỗi đơn vị cử ít nhất từ 1 đến 2 người (gồm: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Nội vụ, Công an quận, phòng Y tế, phòng Kinh tế, Phòng Tư pháp, Quản lý thị trường 3B và cán bộ chuyên trách phòng, chống tệ nạn xã hội quận).

#### **2. Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường**

Tùy theo tình hình tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét quyết định số lượng, cơ cấu nhân sự Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường; phân công cán bộ có đủ năng lực và uy tín làm Tổ trưởng, chỉ huy điều hành Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường để kiểm tra và xử lý, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm tại địa phương, đồng thời phối hợp với Đoàn Kiểm tra của thành phố, quận khi có yêu cầu.

### **Điều 7. Thẩm quyền thành lập**

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận 3 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn và các thành viên trong Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin quận.

2. Căn cứ vào tình hình tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xem xét quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên trong Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội của phường.

### **Điều 8. Hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận**

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận làm việc theo cơ chế phối

hợp do Trưởng Đoàn điều hành mọi hoạt động chung của Đoàn và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

Trưởng Đoàn có trách nhiệm thông báo cho các thành viên tham gia Đoàn lịch công tác trước 3 - 5 giờ đồng hồ hoặc đột xuất (khi cần thiết) và nhận xét định kỳ 06 tháng, 01 năm về kết quả công tác của từng thành viên.

Phó Trưởng Đoàn có trách nhiệm giúp Trưởng Đoàn thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Quy chế này và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Đoàn.

Các thành viên trong Đoàn chịu trách nhiệm trước Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành mình đang công tác.

2. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động (theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận) và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

3. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận chỉ được tiến hành kiểm tra khi có ít nhất quá  $\frac{1}{2}$  thành viên Đoàn Kiểm tra liên ngành trở lên tham gia, trong đó phải có Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn và phải xuất trình quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra, thẻ kiểm tra của Ủy ban nhân dân quận 3.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 9. Mối quan hệ công tác**

##### **1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận**

a) Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận (theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận).

b) Phối hợp thực hiện nghiệp vụ đối với các phòng, ban chức năng liên quan và Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường.

c) Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung, kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất); đồng thời báo cáo nhanh các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn quận hoặc báo cáo theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân thành phố.

## **2. Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường**

a) Chấp hành chủ trương, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường).

b) Chủ động thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn, phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội thành phố, quận trong việc kiểm tra ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm trên địa bàn.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, 6 tháng và 1 năm, báo cáo nhanh các vụ việc lớn và phức tạp, báo cáo vụ việc vi phạm và kết quả xử lý trên địa bàn.

**3.** Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có nhiệm vụ phối hợp với các phòng, ban, đoàn thể quận và phường để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn, Tổ Kiểm tra hoạt động có hiệu quả, chịu trách nhiệm về tình hình, diễn biến vi phạm và kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

**4.** Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Đoàn, Tổ Kiểm tra chịu sự chỉ đạo, phân công của Trưởng đoàn, Tổ trưởng; đề xuất các vấn đề có liên quan để Trưởng đoàn, Tổ trưởng kịp thời có biện pháp giải quyết, xử lý hoặc báo cáo cơ quan cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

### **Điều 10. Cơ chế phối hợp hoạt động**

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận phải thống nhất xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng tháng, quý và cả năm nhằm hạn chế việc chồng chéo và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn, Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật.

3. Mọi kế hoạch, thông tin về công tác kiểm tra được bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

## **Chương V**

### **KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH**

#### **Điều 11. Kinh phí hoạt động**

Kinh phí hoạt động của công tác kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận do ngân sách cấp từ ngân sách địa phương và các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường chịu trách nhiệm bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ trong quá trình kiểm tra... nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận.

## **Điều 12. Phụ cấp, phương tiện hoạt động**

### **1. Chế độ phụ cấp**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm theo quy định của Bộ Luật Lao động; được bồi dưỡng ăn đêm nếu làm việc trong thời gian từ 21 giờ đến 05 giờ sáng hôm sau theo quy định của Nhà nước.

### **2. Phương tiện hoạt động**

Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết như: thẻ kiểm tra, công cụ hỗ trợ... để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp.

## **Chương VI**

## **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 13. Chế độ khen thưởng**

1. Khen thưởng đột xuất do đạt thành tích xuất sắc trong các đợt công tác cao điểm và khen thưởng hàng năm theo quy định chung của Nhà nước.

2. Thành viên của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Xử lý vi phạm**

1. Sau khi thống nhất lập biên bản các hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh dịch vụ, Đoàn, Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận, phường chuyển giao biên bản, hồ sơ có liên quan về Phòng Văn hóa và Thông tin quận để tham mưu hình

thức xử lý trước khi trình cho Hội đồng xử lý các vụ vi phạm hành chính về văn hóa - xã hội quận 3 xem xét, quyết định.

2. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Đoàn, Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Trưởng Đoàn, Tổ trưởng có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường để tùy theo mức độ vi phạm của người đó mà xử lý kỷ luật. Việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương VII**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan**

##### **1. Trách nhiệm của phòng Văn hóa và Thông tin quận**

Phòng Văn hóa và Thông tin quận là cơ quan thường trực về công tác kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm:

a) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận điều hành hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội trên địa quận. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đoàn, Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội trình Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định.

b) Thành lập Tổ công tác thường trực giúp việc cho Đoàn kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận gồm 03 cán bộ trong định biên của Phòng Văn hóa và Thông tin quận và do Phó Trưởng đoàn Thường trực Đoàn kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận trực tiếp chỉ đạo.

c) Chủ động đề xuất nhân sự của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận đảm bảo bố trí đủ cán bộ theo Quy chế đề ra.

d) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch dự trù kinh phí hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét quyết định và quyết toán kinh phí theo quy định của tài chính.

##### **2. Trách nhiệm của các phòng, ban liên quan**

Thủ trưởng các đơn vị: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh

tế, Phòng Y tế, Công an quận và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm cử cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### **3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm thành lập, bảo đảm về nhân sự và chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của Tổ Kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội phường thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

### **Điều 16. Điều khoản thi hành**

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình quản lý, có biện pháp tổ chức, phối hợp và thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế này.

2. Giao cho Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

3. Việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy chế do Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa và Thông tin - cơ quan Thường trực Đoàn kiểm tra liên ngành Văn hóa - Xã hội quận và theo hướng dẫn, quy định của thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phạm Ngọc Hữu**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**